

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2021/DS-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Chi.

Ông Nguyễn Trương Nguơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Thị T, sinh năm 1976 (*Tên thường gọi G*).

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị G có mặt, chị T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Lê Thị Ngọc G trình bày:

Chị có làm chủ hui, chị T có tham gia chơi 01 dây hui do chị làm chủ hui như sau:

Hui 2.000.000 đồng/tháng/ hui khai ngày 25/01/2017 âm lịch, gồm 21 phần, chị T tham gia 01 phần, chị T hốt hui đầu tiên và chị đã giao tiền hui cho

chị T và chị T có ký tên vào biên nhận với số tiền 40.000.000 đồng là số tiền chị T phải đóng hội chết cho chị cho đến khi mãn hội. Sau đó, chị T chỉ đóng hội được 09 kỳ với số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền 22.000.000 đồng. Đến nay dây hội này đã mãn, chị đã nhiều lần yêu cầu chị T đóng tiền hội chết cho chị nhưng chị T không đóng, chị đã chằng tiền hội chết cho các hội viên khác xong rồi.

Nay chị yêu cầu chị T phải trả số tiền hội chết là 22.000.000 đồng cho chị, trả khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn chị Huỳnh Thị T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị T trả số tiền hội chết còn nợ là 22.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn chị Huỳnh Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc G yêu cầu chị Huỳnh Thị T trả số tiền 22.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Chị G có mở dây hội 2.000.000 đồng/tháng/khui ngày 25/01/2017 âm lịch, gồm 21 phần, chị T tham gia 01 phần, chị T hót hội đầu tiên và chị G đã giao tiền hội cho chị T và chị T có ký tên vào biên nhận phải đóng hội chết cho chị G cho đến khi mãn hội với số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, chị T chỉ đóng hội được 09 kỳ với số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền 22.000.000 đồng không đóng nữa nên chị G khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị G đã cung cấp cho Tòa án biên nhận hội do chị T ký tên. Dây hội này đã mãn vào 25/9/2018 âm lịch, chị T vẫn chưa đóng hết tiền hội chết cho chị G là vi phạm nghĩa vụ đóng hội cho chị G. Phía chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và không có văn

bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy chị T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị T còn nợ chị G số tiền hui chết 22.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị G số tiền 22.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Chị G yêu cầu chị T trả cho chị G số tiền 22.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của chị G làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị G. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị T trả cho chị G số tiền 22.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị G được Tòa án chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc G.

Buộc chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc G số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Ngọc G có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Huỳnh Thị T không trả số tiền trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Ngọc G 550.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017356 ngày 01/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân